UED Journal of Social Sciences, Humanities & Education, ISSN: 1859 - 4603
https://doi.org/10.47393/jshe.vol16.i1.3821

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI, NHÂN VĂN VÀ GIÁO DỤC

KHUNG NĂNG LỰC GIẢNG VIÊN MĨ THUẬT TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Lê Thị Hoài Thương, Trầm Thị Trạch Oanh
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
Tác giả liên hệ: Lê Thị Hoài Thương - Email: lththuong@ued.udn.vn
Ngày nhận bài: 22-12-2025; ngày nhận bài sửa: 16-02-2026; ngày duyệt đăng: 26-3-2026

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục, năng lực của giảng viên Mĩ thuật trở thành yếu tố quyết định chất lượng dạy - học và sự phát triển chuyên môn. Bài viết này đề xuất một khung năng lực cần thiết cho giảng viên Mĩ thuật trong thời đại số, tập trung vào ba mảng chính: năng lực Mĩ thuật; năng lực số và năng lực sư phạm thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số. Nghiên cứu được thực hiện thông qua phân tích tài liệu, khảo sát chuyên gia, và phỏng vấn bán cấu trúc nhằm xác định các yếu tố trọng yếu của từng năng lực. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở lí thuyết và thực tiễn để thiết kế chương trình đào tạo và bồi dưỡng giảng viên Mĩ thuật trong kỷ nguyên số và AI.

Từ khóa: Giảng viên Mĩ thuật; năng lực Mĩ thuật; năng lực số; năng lực sư phạm.

1. Mở đầu

Trong thế kỷ XXI, sự bùng nổ của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) đã tác động sâu rộng đến nhiều lĩnh vực, trong đó giáo dục được xem là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng trực tiếp và toàn diện nhất. Trong giáo dục Mĩ thuật, AI không chỉ cung cấp các công cụ hỗ trợ sáng tạo và thiết kế tác phẩm mà còn làm thay đổi phương thức giảng dạy, đánh giá năng lực học sinh, cũng như hình thức tương tác trong lớp học.

Tại Việt Nam, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT 2018), đặt mục tiêu phát triển năng lực toàn diện cho học sinh. Cụ thể, môn Mĩ thuật hướng tới hình thành và phát triển năng lực thẩm mĩ thông qua ba thành phần chính: quan sát và nhận thức thẩm mĩ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ, phân tích và đánh giá thẩm mĩ. Nội dung môn học được tổ chức theo hai mạch: *Mĩ thuật Tạo hình* (bao gồm *Lí luận và Lịch sử Mĩ thuật, Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc*) và *Mĩ thuật Ứng dụng* (bao gồm *Thiết kế Công nghiệp*, *Thiết kế Thời trang*, *Thiết kế Đồ họa*, …) (Bộ GD&ĐT, 2018).

Bên cạnh đó, chuyển đổi số trong giáo dục đang làm thay đổi sâu sắc vai trò và phương thức làm việc của giáo viên. Phát triển năng lực số không còn là lựa chọn mà trở thành yêu cầu bắt buộc để đội ngũ nhà giáo thích ứng với môi trường dạy học hiện đại (Huệ, 2024). Khung năng lực số cho người học, được ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025, nhấn mạnh sáu miền năng lực với 24 năng lực thành phần, được phân chia thành bốn trình độ từ cơ bản đến chuyên sâu theo tám bậc (Bộ GD&ĐT, 2025). Trong bối cảnh đó, giảng viên Mĩ thuật không chỉ cần sở hữu nền tảng chuyên môn vững chắc mà còn phải thành thạo kỹ năng số và năng lực sư phạm hiện đại, nhằm đáp ứng các yêu cầu giáo dục trong kỷ nguyên số. Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định một khung năng lực thiết yếu cho giảng viên Mĩ thuật, tập trung vào ba nhóm năng lực trọng yếu, bao gồm năng lực Mĩ thuật, năng lực số, và năng lực sư phạm, đồng thời đề xuất các định hướng phát triển và bồi dưỡng phù hợp trong bối cảnh ứng dụng AI trong giáo dục.

Cite this article as: Le, T. H. T., Tram, T. T. O. (2026). Competency framework for art lecturers in the context of digital transformation. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, *16*(01), 26-31. https://doi.org/10.47393/jshe.vol16.i1.3821

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được triển khai chủ yếu bằng phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu, trong đó các văn bản chính thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo đóng vai trò là cơ sở pháp lí và định hướng trọng tâm để xây dựng khung năng lực dành cho giảng viên Mĩ thuật trong bối cảnh chuyển đổi số. Các nguồn tư liệu được sử dụng bao gồm: Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT), Khung năng lực số cho người học (Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các văn bản hướng dẫn liên quan đến phát triển năng lực số trong giáo dục; cùng với hệ thống quy định về đào tạo giáo viên, chuyển đổi số và phát triển chương trình đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học.

Thông qua phân tích các tài liệu này, nghiên cứu xác định được các thành tố năng lực cốt lõi của giảng viên Mĩ thuật, đồng thời đối chiếu với đặc thù của hoạt động đào tạo giáo viên để đề xuất một hệ thống năng lực phù hợp. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn tổng hợp kinh nghiệm thực tiễn từ trao đổi chuyên môn không chính thức với một số giảng viên và chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục nghệ thuật, qua đó làm rõ những yêu cầu thực tế đối với công tác giảng dạy mĩ thuật trong môi trường số hiện nay.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Năng lực cốt lõi của giảng viên Mĩ thuật

3.2.1. Năng lực Mĩ thuật

Trong đào tạo giáo viên Mĩ thuật, năng lực chuyên môn giữ vai trò quyết định đối với chất lượng giảng dạy và hiệu quả phát triển năng lực thẩm mĩ của người học. Theo định hướng của CTGDPT 2018, môn Mĩ thuật đặt mục tiêu hình thành và phát triển ở học sinh năng lực mĩ thuật dựa trên hệ thống kiến thức, kỹ năng và khả năng vận dụng nghệ thuật vào đời sống. Học sinh được định hướng nhận thức mối quan hệ giữa mĩ thuật với đời sống xã hội và các loại hình nghệ thuật khác; biết trân trọng di sản văn hóa - nghệ thuật; có khả năng ứng dụng ngôn ngữ mĩ thuật trong thực tiễn; đồng thời hình thành hiểu biết ban đầu về các ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác để định hướng nghề nghiệp phù hợp. Thông qua các hoạt động trải nghiệm và khám phá nghệ thuật đa dạng, môn Mĩ thuật còn góp phần phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo). CTGDPT 2018 cũng xác định năng lực mĩ thuật của học sinh gồm ba thành phần: quan sát và nhận thức thẩm mĩ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ, phân tích và đánh giá thẩm mĩ. Các thành phần này vừa phản ánh đặc trưng của tư duy nghệ thuật, vừa thể hiện yêu cầu phát triển năng lực toàn diện cho người học thông qua hệ thống hoạt động học tập từ trải nghiệm, thực hành đến nhận xét và phản hồi. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018) (Thanh & Huyền, 2024)

Từ cấu trúc năng lực của học sinh, có thể thấy việc xây dựng hệ thống năng lực chuyên môn cho đội ngũ giảng viên Sư phạm Mĩ thuật cần được thiết kế tương thích nhằm đảm bảo mối liên thông giữa đào tạo giáo viên và yêu cầu chương trình phổ thông. Ba nhóm năng lực cốt lõi giảng viên cần phát triển gồm: (1) năng lực quan sát và nhận thức thẩm mĩ, (2) năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ, và (3) năng lực phân tích và đánh giá thẩm mĩ. Ba nhóm năng lực này không tồn tại tách biệt mà có mối liên hệ mật thiết, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình dạy học nghệ thuật, đồng thời thể hiện yêu cầu đổi mới của giáo dục mĩ thuật trong bối cảnh hiện nay.

Thứ nhất, năng lực quan sát và nhận thức thẩm mĩ giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành tri thức thị giác và cảm thụ nghệ thuật của giảng viên. Bên cạnh yêu cầu về khả năng quan sát tinh tế đối với hình khối, màu sắc, ánh sáng và bố cục, năng lực này đòi hỏi giảng viên phải sở hữu hệ thống kiến thức toàn diện về lịch sử mĩ thuật, mĩ học, lí luận nghệ thuật và nguyên lí tạo hình. Việc tích hợp giữa tri thức lí luận và khả năng quan sát cho phép giảng viên lí giải hiện tượng thẩm mĩ một cách khoa học, đồng thời xác lập cơ sở học thuật để tổ chức hoạt động dạy học cho sinh viên. Trong môi trường đào tạo sư phạm, năng lực quan sát và nhận thức thẩm mĩ không chỉ hỗ trợ giảng viên trong sáng tạo cá nhân, mà còn góp phần định hướng sinh viên hình thành tư duy thị giác chính xác, có chiều sâu và phù hợp với yêu cầu của CTGDPT 2018.

Thứ hai, năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ phản ánh mức độ thành thạo của giảng viên trong các kỹ năng thực hành - yếu tố đặc thù của lĩnh vực mĩ thuật. Theo định hướng của CTGDPT 2018, năng lực này bao gồm khả năng thực hành trong nhiều loại hình nghệ thuật như hội họa, đồ họa tranh in, điêu khắc và mĩ thuật ứng dụng. Khả năng vận dụng thành thạo kỹ thuật và chất liệu

giúp giảng viên chuyển hóa tri thức chuyên môn thành các hoạt động dạy học hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của người học. Trong bối cảnh giáo dục và nghệ thuật liên tục thay đổi, năng lực sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ còn yêu cầu giảng viên phải có khả năng tích hợp kỹ thuật truyền thống với các phương tiện công nghệ, từ đó mở rộng phạm vi ứng dụng của mĩ thuật trong đời sống và góp phần phát triển năng lực sáng tạo của sinh viên.

Thứ ba, năng lực phân tích và đánh giá thẩm mĩ là yêu cầu không thể thiếu để giảng viên thực hiện vai trò định hướng nhận thức và tư duy nghệ thuật cho người học. Năng lực này bao gồm khả năng phân tích cấu trúc hình thức, nội dung, phong cách và ý nghĩa của tác phẩm nghệ thuật; đánh giá giá trị thẩm mĩ dựa trên tiêu chí khoa học; và lí giải sự vận động của nghệ thuật trong mối quan hệ với bối cảnh văn hóa - xã hội. Đáng chú ý, trong đào tạo giáo viên, năng lực phân tích và đánh giá thẩm mĩ còn gắn liền với khả năng xem xét, phản hồi và đánh giá sản phẩm thực hành của sinh viên. Việc đánh giá không chỉ hướng đến tính chính xác về chuyên môn mà còn nhằm khuyến khích sự sáng tạo, tôn trọng khác biệt trong biểu đạt cá nhân và thúc đẩy tư duy độc lập của người học.

Có thể thấy, ba nhóm năng lực trên tạo thành một cấu trúc năng lực chuyên môn toàn diện, đáp ứng yêu cầu của giáo dục nghệ thuật hiện đại và định hướng đào tạo giáo viên trong giai đoạn đổi mới. Việc phát triển đồng bộ những năng lực này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở các cơ sở Sư phạm Mĩ thuật, mà còn đảm bảo rằng đội ngũ giáo viên tương lai có đủ năng lực để tổ chức môi trường học tập khuyến khích sáng tạo, trân trọng sự khác biệt và nuôi dưỡng giá trị thẩm mĩ cho thế hệ học sinh mới.

3.1.2. Năng lực số

Bên cạnh năng lực chuyên môn, năng lực số đóng vai trò then chốt trong thời đại AI, cho phép giảng viên khai thác công nghệ để nâng cao chất lượng giảng dạy và mở rộng khả năng sáng tạo. Giảng viên Mĩ thuật cần thành thạo các phần mềm đồ họa và công cụ AI hỗ trợ thiết kế, chỉnh sửa hình ảnh, mô phỏng không gian ba chiều, đồng thời biết đánh giá chất lượng sản phẩm số của sinh viên.

Khung năng lực số dành cho giảng viên Mĩ thuật kế thừa cấu trúc sáu miền năng lực của Khung năng lực số cho người học được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng thời phát triển các yêu cầu chuyên sâu phù hợp với nhiệm vụ đào tạo giáo viên, yêu cầu nghề nghiệp và đặc thù của lĩnh vực nghệ thuật thị giác trong bối cảnh chuyển đổi số. Khung này nhằm định hướng giảng viên chủ động ứng dụng công nghệ số vào dạy học, nghiên cứu nghệ thuật và phát triển chuyên môn, đảm bảo khả năng thích ứng trước sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025).

Bảng 1. *Khung năng lực số dành cho giảng viên Mĩ thuật*

Năng lực	Định hướng chung	Năng lực thành phần
Khai thác dữ liệu và thông tin	Giảng viên có khả năng tìm kiếm, lựa chọn, đánh giá và quản lí dữ liệu mĩ thuật trên môi trường số một cách khoa học, phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và sáng tạo nghệ thuật.	- Khai thác cơ sở dữ liệu mĩ thuật (thư viện số, bảo tàng số, kho học liệu mở, tư liệu hình ảnh - video). - Quản lí học liệu số (hình ảnh tác phẩm, sản phẩm học sinh, tài liệu bài giảng, dữ liệu lớp học). - Phân tích dữ liệu thị giác phục vụ dạy học và nghiên cứu (hình ảnh, mô hình 3D, tài nguyên đa phương tiện).
Giao tiếp và hợp tác	Giảng viên sử dụng công nghệ số để giao tiếp, hướng dẫn, phản hồi và tổ chức hoạt động học tập cộng tác trong các không gian học tập trực tuyến và kết hợp.	- Tổ chức thảo luận, hướng dẫn thực hành mĩ thuật qua các nền tảng giao tiếp số (LMS, lớp học trực tuyến, kênh video). - Sử dụng công cụ số để phản hồi sản phẩm nghệ thuật của người - Tham gia và xây dựng cộng đồng chuyên môn mĩ thuật trực tuyến; chia sẻ học liệu và sản phẩm sáng tạo.

Sáng tạo nội dung số	Giảng viên có khả năng tạo lập, biên tập và tích hợp các sản phẩm số phục vụ dạy học nghệ thuật và sáng tạo cá nhân.	- Thiết kế học liệu số (video hướng dẫn kỹ thuật, tài liệu thị giác, mô phỏng hình khối - màu sắc). - Sử dụng phần mềm đồ họa, minh họa, dựng hình, xử lí ảnh, dựng video phục vụ dạy học và sáng tác.
An toàn	Giảng viên đảm bảo an toàn thông tin, sức khỏe và đạo đức nghề nghiệp trong dạy học và sáng tạo nghệ thuật trên môi trường số.	Bảo vệ thông tin cá nhân, bài nộp của sinh viên, tài khoản LMS, kho tác phẩm số. Thiết kế thời lượng học trực tuyến hợp lí; hướng dẫn sinh viên sử dụng thiết bị số an toàn khi sáng tác mĩ thuật.
Giải quyết vấn đề		Khắc phục lỗi phần mềm, thiết bị; hỗ trợ sinh viên giải quyết vấn đề liên quan đến công cụ sáng tạo số. Nắm bắt sự phát triển của VR/AR, 3D printing, digital painting, AI-generated art để đưa vào giảng dạy.
Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)	Giảng viên sử dụng AI một cách hiệu quả, có đạo đức và sáng tạo trong giảng dạy, đánh giá và nghiên cứu nghệ thuật.	Sử dụng AI trong thiết kế - giảng dạy mĩ thuật Đánh giá tác động đạo đức, pháp lí của AI đối với sáng tạo nghệ thuật

3.1.3. Năng lực sư phạm trong bối cảnh chuyển đổi số

Năng lực sư phạm của giảng viên Mĩ thuật trong bối cảnh chuyển đổi số không còn chỉ dừng lại ở việc tổ chức hoạt động dạy học truyền thống, mà đòi hỏi khả năng tích hợp các kiến thức đặc thù của chuyên ngành và các công nghệ số hiện đại. Trước hết, giảng viên cần có khả năng thiết kế, triển khai và điều chỉnh chương trình học theo hướng số hóa, trong đó việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trở thành yêu cầu cốt lõi. Sự xuất hiện của các công cụ AI hỗ trợ sáng tạo hình ảnh, phân tích phong cách hay mô phỏng kỹ thuật tạo hình đã mở ra những phương thức dạy học mới, đòi hỏi giảng viên không chỉ thành thạo công nghệ mà còn đủ năng lực sư phạm để tích hợp chúng vào hoạt động dạy học một cách khoa học, phù hợp với mục tiêu giáo dục và đặc thù của từng học phần.

Bên cạnh đó, năng lực đổi mới phương pháp dạy học cũng giữ vai trò quyết định. Chuyển đổi số đòi hỏi giảng viên tổ chức các hoạt động học tập một cách linh hoạt. Sự kết hợp giữa phương pháp vẽ truyền thống và công nghệ số được xem là phù hợp với đặc thù ngành Mĩ thuật. Ví dụ, khi vẽ phác thảo đồ án Mĩ thuật, có thể hướng dẫn sinh viên vẽ tay phần hình ảnh sau đó kết hợp với các phần mềm để thử nghiệm các phương án màu sắc để tìm được phương pháp phối màu phù hợp thay vì vẽ tay toàn bộ tiến trình. Việc sử dụng công nghệ số để khảo cứu hình ảnh, thử nghiệm bố cục, mô phỏng kỹ thuật hay xây dựng sản phẩm đa phương tiện giúp mở rộng phạm vi sáng tạo và tiết kiệm thời gian, công sức. Tuy nhiên, giảng viên cũng cần trang bị cho người học khả năng kiểm chứng thông tin, tránh lệ thuộc vào công cụ và giữ được tính độc bản, giá trị cá nhân trong sáng tác (Trà, 2022).

Cuối cùng, năng lực quản lí lớp học trong môi trường số trở thành thành tố không thể thiếu. Giảng viên phải điều phối linh hoạt giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp, đảm bảo sự kết nối giữa cá nhân - nhóm - lớp học, duy trì kỷ luật học thuật, đồng thời tạo dựng môi trường học tập an toàn, cởi mở và giàu tương tác. Khả năng sử dụng các nền tảng học tập số để theo dõi tiến độ, điều chỉnh nhiệm vụ, lưu trữ sản phẩm học tập và đánh giá quá trình giúp nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của hoạt động đào tạo. Nhờ các nền tảng quản lí học tập (LMS) và công cụ đánh giá tự động, giảng viên có thể theo dõi tiến trình, nhu cầu và khó khăn của từng người học để đưa ra các phương án hỗ trợ kịp thời (Trung, 2020). Điều này giúp việc dạy học Mĩ thuật - vốn nhấn mạnh phát triển năng lực cá nhân và tôn trọng sự khác biệt - trở nên phù hợp hơn với bối cảnh đa dạng của lớp học hiện nay. Đồng thời, việc sử dụng AI cũng giúp tối ưu hóa thời gian cho các nhiệm vụ của giảng viên.

Tóm lại, năng lực sư phạm trong bối cảnh chuyển đổi số của giảng viên Mĩ thuật là sự kết hợp giữa tư duy sư phạm và khả năng vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học hiện đại. Đây là nền tảng để giảng viên không chỉ thích ứng với những thay đổi do công nghệ mang lại mà còn chủ động dẫn dắt đổi mới giáo dục Mĩ thuật theo yêu cầu của thời đại số.

3.2. Thảo luận và kiến nghị

Ba nhóm năng lực nêu trên có mối quan hệ bổ trợ chặt chẽ, trong đó năng lực chuyên môn giữ vai trò bảo đảm chất lượng tri thức nền tảng của giảng viên Mĩ thuật, còn năng lực số thể hiện khả năng vận dụng công nghệ số trong các hoạt động thiết kế, thu thập và xử lí thông tin, sáng tạo nội dung cũng như triển khai các phương thức dạy học mở rộng trong môi trường số. Bên cạnh đó, năng lực sư phạm số quyết định mức độ hiệu quả của việc tích hợp công nghệ vào quá trình dạy và học, bảo đảm công nghệ được sử dụng đúng mục đích và phù hợp với đặc thù giáo dục nghệ thuật.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy đội ngũ giảng viên Mĩ thuật vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức như hạn chế về cơ hội được bồi dưỡng bài bản liên quan đến công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, tâm lí e ngại thay đổi phương pháp dạy học truyền thống, cơ sở vật chất và thiết bị chưa đồng bộ giữa các cơ sở đào tạo, cùng khoảng cách đáng kể trong khả năng tiếp cận công nghệ giữa giảng viên và sinh viên. Những khó khăn này đặt ra yêu cầu cấp thiết về một chiến lược đào tạo và bồi dưỡng mang tính hệ thống, lâu dài và phù hợp với đặc thù của giáo dục nghệ thuật trong bối cảnh chuyển đổi số.

Trước hết là xây dựng các chương trình bồi dưỡng năng lực số và năng lực ứng dụng AI cho đội ngũ giảng viên. Các khóa bồi dưỡng cần được tổ chức theo hướng linh hoạt, chú trọng tính thực hành, bao gồm những nội dung thiết yếu như kỹ năng số cơ bản, khai thác phần mềm đồ họa, thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng công cụ AI, quản lí lớp học số, …

Bên cạnh đó, chương trình đào tạo ngành Sư phạm Mĩ thuật cần được tích hợp công nghệ số nhằm bảo đảm sự đồng bộ giữa năng lực mà giảng viên cần có và nội dung đào tạo sinh viên. Khuyến khích sinh viên vận dụng công nghệ số vào việc xây dựng ý tưởng, làm phác thảo, sáng tạo và quảng bá sản phẩm Mĩ thuật trên các nền tảng số. Ngoài ra, các cơ sở đào tạo có thể triển khai hệ thống phòng studio số, thư viện thị giác và kho dữ liệu mở để giảng viên và sinh viên có thể khai thác nguồn tư liệu phong phú phục vụ sáng tạo và nghiên cứu.

Cuối cùng, để các giải pháp trên được triển khai bền vững, cần có cơ chế hỗ trợ và khuyến khích phù hợp đối với đội ngũ giảng viên. Năng lực số và năng lực ứng dụng công nghệ nên được công nhận như một tiêu chí trong đánh giá, bồi dưỡng thường xuyên và phát triển nghề nghiệp. Đồng thời, các cơ sở đào tạo cần tạo điều kiện và động lực để giảng viên tham gia nghiên cứu, thử nghiệm và sáng tạo các sản phẩm nghệ thuật kết hợp công nghệ, qua đó thúc đẩy văn hóa đổi mới và chuyển đổi số trong giáo dục Mĩ thuật.

4. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo, yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên Mĩ thuật trở nên toàn diện và phức tạp hơn, đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa năng lực chuyên môn, năng lực số và năng lực sư phạm số. Những nhóm năng lực này không chỉ bổ sung lẫn nhau mà còn tạo thành nền tảng quan trọng để giảng viên có thể thích ứng với sự thay đổi của môi trường giáo dục, đồng thời đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đào tạo giáo viên Mĩ thuật trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn còn nhiều thách thức trong quá trình triển khai, từ hạn chế về cơ hội bồi dưỡng, sự chênh lệch trong khả năng tiếp cận công nghệ cho đến điều kiện cơ sở vật chất chưa đồng bộ giữa các cơ sở đào tạo.

Việc đề xuất khung năng lực dành cho giảng viên Mĩ thuật trong thời đại AI và chuyển đổi số không chỉ góp phần định hướng cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên mà còn là cơ sở để các cơ sở đào tạo xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp với xu thế giáo dục mới. Những kiến nghị và giải pháp được trình bày trong bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đầu tư vào môi trường học tập số, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ và phát triển tư duy đổi mới cho giảng viên, nhằm bảo đảm sự gắn kết giữa mục tiêu đào tạo và yêu cầu thực tiễn.

Trong tương lai, việc nghiên cứu sâu hơn về mô hình triển khai khung năng lực, đánh giá mức độ đáp ứng của đội ngũ giảng viên và thử nghiệm các giải pháp mới sẽ là hướng đi cần thiết để tiếp tục hoàn thiện hệ thống đào tạo giáo viên Mĩ thuật trong bối cảnh chuyển đổi số. Qua đó,

đội ngũ giảng viên không chỉ làm chủ công nghệ mà còn phát huy được vai trò sáng tạo đặc thù của lĩnh vực nghệ thuật, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục Mĩ thuật trong nhà trường và xã hội.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật.* Hà Nội.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Khung năng lực số cho người học.* Hà Nội.

Huệ, N. (2024). Chuyển đổi số trong giáo dục đại học - Những thách thức. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*.

Thanh, H., & Huyền, H. (2024). Những vấn đề đổi mới trong đào tạo giáo viên Mĩ thuật đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới. *Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật*.

Trà, T. (2022). Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy xây dựng ý tưởng thiết kế đồ hoạ. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Mở Hà Nội*.

Trung, T. (2020). Hệ thống quản lí học tập trực tuyến trong giáo dục đại học. *Tạp chí Khoạ học Giáo dục Việt Nam*, 66-72.

COMPETENCY FRAMEWORK FOR ART LECTURERS IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION

Le Thi Hoai Thuong, Tram Thi Trach Oanh

The University of Danang - University of Science and Education, Vietnam

Corresponding Author: Le Thi Hoai Thuong - Email: lththuong@ued.udn.vn

Article History: Received on 22nd December 2025, Revised on 16th February 2026, Published on 26th March 2026

Abstract: In the context of digital transformation and the integration of artificial intelligence in education, the competencies of art lecturers have become a decisive factor in ensuring the quality of teaching and learning as well as in fostering professional development. This paper proposes an essential competency framework for art lecturers in the digital era, focusing on three core domains: artistic competence, digital competence, and pedagogical competence, adapted to the context of digital transformation. The study employs document analysis, expert consultation, and semi-structured interviews to identify the key components of each competency domain. The findings provide both theoretical and practical foundations for designing training and professional development programs for art lecturers in the age of digital technologies and AI.

Key words: Art lecturers; artistic competence; digital competence; pedagogical competence.